

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 368/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 10 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Kết quả giám sát về “Công tác triển khai thực hiện Chương trình tổng thể
Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Gia Lai”**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày
04 tháng 12 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy
ban Thường vụ Quốc hội Hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân,
Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng
nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 299/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát về “Công tác triển khai thực
hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 của
tỉnh Gia Lai”;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo số 156/BC-HĐND ngày 24 tháng 5 năm 2024
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh báo cáo kết quả giám sát “Công tác
triển khai thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai
đoạn 2021-2025 của tỉnh Gia Lai”; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành Báo cáo số 156/BC-HĐND ngày 24 tháng 5 năm 2024
của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh về “Công tác triển khai thực hiện
Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 của
tỉnh Gia Lai” về kết quả đã đạt được, những hạn chế, bất cập, nguyên nhân và các
kiến nghị nhằm thực hiện hiệu quả hơn việc triển khai thực hiện Chương trình tổng
thể Cải cách hành chính nhà nước trong giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn tiếp theo
(kèm theo Báo cáo) với những nội dung cơ bản sau:

1. Giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở các quy định của Chính phủ, của Tỉnh ủy,
Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9
năm 2021 “Về việc ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước
giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh”; Kế hoạch Cải cách

hành chính (CCHC) hằng năm để xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ trong năm cần tổ chức triển khai, thực hiện; đồng thời, xác định CCHC là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, là một trong những giải pháp quan trọng để xây dựng môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 602/QĐ-UBND và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn đã ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch CCHC hằng năm nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, giải pháp CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương, góp phần hoàn thành mục tiêu chung của Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh.

Công tác CCHC trong thời gian qua đã đạt nhiều kết quả tích cực; công tác chỉ đạo, điều hành và hoạt động tuyên truyền CCHC từng bước được duy trì, đẩy mạnh, đã có những mô hình, sáng kiến mới tiêu biểu, mang lại nhiều kết quả tích cực trong công tác CCHC trên địa bàn tỉnh và được Bộ Nội vụ đánh giá điểm tối đa của tiêu chí sáng kiến trong Bộ Chỉ số CCHC của tỉnh năm 2021, 2022. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện cơ bản thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, tỷ lệ trung bình đạt trên 75%. Công tác thanh tra, kiểm tra được Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành, các cấp, địa phương quan tâm chỉ đạo, thực hiện; qua kiểm tra nội dung, quy trình thủ tục hành chính thực hiện chưa đúng theo quy định, còn bất cập, hạn chế và đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có giải pháp chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC.

Ủy ban nhân dân tỉnh đều chỉ đạo đánh giá, xếp loại công tác CCHC đối với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và gắn việc thực hiện công tác CCHC làm tiêu chí để xét thi đua, khen thưởng theo chỉ tiêu hằng năm, qua đó nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) và người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện công tác CCHC; tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, trách nhiệm, tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ CBCCVC trong giải quyết thủ tục hành chính trong thực hiện CCHC.

Việc tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận một cửa, nhất là thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh sang Bưu điện công ích thực hiện bước đầu đã tạo điều kiện cho CBCCVC có nhiều thời gian thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, giúp cho sở, ngành giảm tải được khối lượng công việc, giảm thiểu tình trạng tiêu cực khi giải quyết TTHC. Mức độ hài lòng của người dân khi tiếp xúc giải quyết công việc ngày càng được nâng lên. Tổ chức bộ máy của cơ quan hành chính nhà nước các cấp được củng cố, sắp xếp, kiện toàn đảm bảo đúng quy định, hợp lý và phát huy hiệu quả; chất lượng đội ngũ CBCCVC được cải thiện. Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc được quan tâm đầu tư. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành được đẩy mạnh, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện.

2. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh vẫn còn một số tồn tại, hạn chế trên 06 nhóm lĩnh vực CCHC được nêu trong báo cáo của Đoàn giám sát, cụ thể:

- Công tác CCHC trên địa bàn tỉnh chưa hiệu quả, chỉ số CCHC cải thiện không đáng kể (năm 2021 xếp hạng 42/63 tỉnh, thành; năm 2022 xếp hạng 58/63 tỉnh, thành; năm 2023 xếp hạng 58/63 tỉnh, thành), việc thu hút đầu tư và cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh xếp hạng thấp so với toàn quốc (năm 2021 Gia Lai xếp vị thứ 26/63 tỉnh, thành; năm 2022 Gia Lai xếp vị thứ 52/63 tỉnh; năm 2023 xếp hạng 55/63 tỉnh, thành). Công tác chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn nhiều hạn chế, nhất là cấp xã; việc khắc phục những tồn tại, hạn chế sau thanh tra, kiểm tra chưa nghiêm, chưa triệt để.

- Việc chuẩn bị hồ sơ đối với các nghị quyết quy phạm pháp luật trình tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh chưa kịp thời, còn chậm. Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật chưa thực sự hiệu quả.

- Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ trực tuyến và giao dịch thanh toán trực tuyến còn thấp so với số lượng hồ sơ giao dịch trực tiếp và thanh toán bằng tiền mặt nên việc hoàn thành tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP và Quyết định số 602/QĐ-UBND đề ra là khó khăn. Kết quả giải quyết thủ tục ở một số lĩnh vực còn phiền hà, trễ hạn, nhất là lĩnh vực đất đai. Việc giải quyết thủ tục đầu tư còn chậm qua nhiều khâu, nhiều tầng nấc, trách nhiệm chưa rõ, quy trình kéo dài, dẫn đến thu hút đầu tư còn nhiều hạn chế.

- Việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức hiện có chưa hiệu quả. Công tác tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, chuyển ngạch, thăng hạng, bổ nhiệm chưa kịp thời.

- Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước, tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách còn thấp. Việc thực hiện mua sắm tập trung hiện nay còn nhiều bất cập. Số đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện do ngân sách bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên còn chiếm tỷ lệ cao; số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên đạt thấp, dẫn đến khó đạt mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 10% đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh chưa được nâng cấp theo quy định của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Hệ thống tiếp nhận hồ sơ một cửa điện tử của tỉnh (phân hệ của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính) chưa tích hợp được với hệ thống tiếp nhận hồ sơ của các Bộ, ngành; thường xuyên báo lỗi, không ổn định. Đội ngũ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin thực hiện công tác CCHC tại các địa phương phần lớn kiêm nhiệm, chuyên môn còn hạn chế, nhất là trong công tác tham mưu triển khai các nhiệm vụ phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Điều 2. Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước trong giai đoạn tiếp theo, Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau đây:

1. Khẩn trương chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương có giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế đã chỉ ra tại báo cáo số 156/BC-HĐND; tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện nghiêm, đồng bộ các nội dung tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 theo quy định tại Quyết định số 602/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về CCHC để CBCCVC và Nhân dân, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nhận thức sâu sắc, đầy đủ về công tác CCHC.

2. Đẩy mạnh cải cách thể chế, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực thi pháp luật; nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, trong đó ưu tiên đề xuất các cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL của tỉnh để kịp thời phát hiện, xử lý văn bản không còn phù hợp, mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định pháp luật.

3. Tăng cường rà soát các thủ tục hành chính để thực hiện số hóa, chuẩn hóa các quy trình, thủ tục và kiến nghị cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục rườm rà, phức tạp, nhằm rút ngắn thời gian giải quyết, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; chấn chỉnh, khắc phục tình trạng hồ sơ chậm giải quyết, quá hạn và trả nhiều lần. Thực hiện nghiêm việc công khai xin lỗi người dân khi giải quyết hồ sơ trễ hạn.

4. Ban hành phương án thay thế Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công tại Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp trong thời gian tới.

5. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, đơn vị theo quy định, phù hợp với tình hình thực tiễn, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gắn với tinh giản biên chế theo lộ trình.

6. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC, nhất là nâng cao trình độ, năng lực của CBCC cấp xã. Thường xuyên kiểm tra và nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ; tăng cường công tác thanh tra công vụ, thanh tra chuyên ngành; kịp thời xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm. Thực hiện việc thi tuyển CCVC thường xuyên để bổ sung kịp thời cho các cơ quan, đơn vị và địa phương.

7. Tiếp tục thực hiện cải cách tài chính công đảm bảo công khai, minh bạch trong sử dụng ngân sách và tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra.

8. Bố trí kinh phí nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh tập trung đồng bộ, thống nhất giữa cấp tỉnh - cấp huyện - cấp xã

nhằm đáp ứng yêu cầu số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, cũng như việc kết nối chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này và có trách nhiệm báo cáo kết quả việc thực hiện Nghị quyết này cho Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2025.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân các cấp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội tham gia tuyên truyền, phối hợp giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Mười Chín thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. / *78*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai; Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên



Gia Lai, ngày 24 tháng 5 năm 2024

Số: 156/BC-HĐND

BÁO CÁO

Kết quả giám sát “Công tác triển khai thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Gia Lai”

Thực hiện Nghị quyết số 299/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát của HĐND tỉnh về “Công tác triển khai thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Gia Lai”; Kế hoạch số 630/KH-HĐND ngày 25/01/2024 của Đoàn giám sát HĐND tỉnh về “Công tác triển khai thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Gia Lai”; từ ngày 18/3/2024 đến ngày 05/4/2024, Đoàn giám sát đã chia thành 03 tổ giám sát, tiến hành khảo sát thực tế tại 27 Bộ phận một cửa trên địa bàn tỉnh¹ và giám sát trực tiếp UBND tỉnh, các sở, ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế, Lao động, Thương binh và Xã hội; Tài nguyên và Môi trường; UBND thành phố Pleiku, thị xã An Khê và 07 huyện: Krông Pa, Chư Sê, Đak Đoa, Chư Păh, Đức Cơ, Kbang, Mang Yang; đồng thời xem xét báo cáo của 09 sở, ngành² và UBND 08 huyện, thị xã còn lại.

Trên cơ sở giám sát trực tiếp và giám sát qua báo cáo, Đoàn giám sát HĐND tỉnh báo cáo kết quả giám sát cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Gia Lai

1.1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện công tác Cải cách hành chính nhà nước

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ³ và Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ⁴, UBND tỉnh

¹ - Tổ giám sát số 01 khảo sát thực tế: Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và tại cấp huyện, gồm: (1) Huyện Krông Pa: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã: Ia Rsum, xã Chư Gu và Thị trấn Phú Túc. (2) Huyện Chư Sê: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Ia Blang, huyện Chư Sê. (3) Thành phố Pleiku: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Diên Phú, thành phố Pleiku.

- Tổ giám sát số 02 khảo sát thực tế tại: (4) Huyện Chư Păh: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Nghĩa Hưng và xã Ia Nhin, huyện Chư Păh. (5) Huyện Đak Đoa: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Tân Bình và xã Già, huyện Đak Đoa. (6) Huyện Đức Cơ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Ia Krê và xã Ia Dom, huyện Đức Cơ.

- Tổ giám sát số 03 khảo sát thực tế tại: (7) Huyện Mang Yang: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị trấn Kong Dong và xã Ayun, huyện Mang Yang. (8) Huyện Kbang: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Đông và xã Tơ Tung, huyện Kbang; (9) Thị xã An Khê: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thị xã, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Cửu An và phường An Tân, thị xã An Khê.

² Các Sở, ngành: Khoa học và Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo; Văn hóa, Thể Thao và Du lịch; Xây dựng; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Báo Gia Lai; Đài PT-TH tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

³ Về việc ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030.

⁴ Về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030.

đã ban hành Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 “Về việc ban hành Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh”; Kế hoạch Cải cách hành chính (CCHC) hằng năm để xác định cụ thể mục tiêu, nhiệm vụ trong năm cần tổ chức triển khai, thực hiện; đồng thời, xác định CCHC là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, là giải pháp quan trọng để xây dựng môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh⁵.

Để nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu trong triển khai CCHC, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định⁶ kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh, theo đó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban và giám đốc, thủ trưởng các sở, ngành liên quan làm thành viên. Sở Nội vụ là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo đã xây dựng, chương trình, kế hoạch CCHC hằng năm, chỉ đạo đôn đốc các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC theo quy định.

Trên cơ sở nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 602/QĐ-UBND và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện và UBND cấp xã đã ban hành Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch CCHC hằng năm nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua đó, góp phần tích cực vào thực hiện mục tiêu chung của Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh.

1.2. Công tác phổ biến, thông tin, tuyên truyền về CCHC

Trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh đã ban hành các kế hoạch tuyên truyền công tác CCHC, xác định 10 nội dung, 10 hình thức và nhiều biện pháp để tuyên truyền, giới thiệu, chuyển tải các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác CCHC.

Trên cơ sở kế hoạch tuyên truyền của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và địa phương đã thực hiện với nhiều nội dung, hình thức phong phú, thiết thực⁷; tổ chức tập huấn chuyên đề CCHC cho hơn 590 cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên Bưu điện tỉnh... góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính nhà nước về ý nghĩa, mục tiêu, tầm quan trọng của công tác CCHC; đồng thời tạo đồng thuận của Nhân dân trong việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội.

1.3. Công tác thanh tra, kiểm tra CCHC

UBND cấp tỉnh đã ban hành các kế hoạch kiểm tra và thành lập Đoàn

⁵ UBND tỉnh đã ban hành hơn 95 văn bản chỉ đạo, điều hành (Năm 2021 ban hành 27 quyết định, kế hoạch; năm 2022 ban hành 24 quyết định, kế hoạch, chương trình hành động; năm 2023 ban hành 44 quyết định, kế hoạch và nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành khác để triển khai kế hoạch CCHC hằng năm của tỉnh) quán triệt các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện nghiêm công tác CCHC.

⁶ Tại Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo CCHC và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh Gia Lai.

⁷ Như: Cập nhật, công bố, công khai TTHC tại Bộ phận một cửa cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và trên hệ thống Cổng Dịch vụ công/Cổng thông tin điện tử/Trang thông tin điện tử; tổ chức hội nghị, thông qua phương tiện thông tin đại chúng, qua các buổi giao ban, phát hành bản tin, tờ tin, cấp phát tài liệu, xây dựng chuyên mục CCHC trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, tổ chức Hội thi “Tìm hiểu về công tác CCHC”; in các nội dung tuyên truyền ở mặt sau của giấy tiếp nhận hồ sơ và hện trả kết quả, tuyên truyền tổng hợp tại các xã vùng sâu, vùng xa;...

kiểm tra việc thực hiện các nội dung, nhiệm vụ CCHC tại các sở, ban, ngành và địa phương, theo đó đã tiến hành kiểm tra tại 42 cơ quan, đơn vị⁸. Qua kiểm tra, đã phát hiện một số vấn đề về nội dung cải cách thủ tục hành chính thực hiện chưa đúng theo quy định⁹, kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có giải pháp chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC.

Các sở, ngành, UBND cấp huyện đã xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra CCHC tại đơn vị, địa phương; gắn việc thực hiện CCHC với công tác thi đua khen thưởng, kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC là căn cứ để xét thi đua, khen thưởng theo chỉ tiêu hằng năm, góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của CBCCVV và người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện công tác CCHC.

1.4. Tiến độ kết quả thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao

Trong kỳ báo cáo, tỉnh Gia Lai được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao 379 nhiệm vụ, trong đó: Hoàn thành đúng hạn 288 nhiệm vụ (75,98%), hoàn thành nhưng quá hạn 01 nhiệm vụ (0,26%), số nhiệm vụ chưa hoàn thành nhưng trong hạn 90 nhiệm vụ (23,75%).

Theo số liệu báo cáo, nhìn chung các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện cơ bản thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, tỷ lệ trung bình đạt trên 75%.

1.5. Đánh giá về những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả tại các cơ quan, đơn vị, địa phương

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh việc xây dựng, áp dụng, nhân rộng các sáng kiến, mô hình, cách làm hay trong hoạt động CCHC, góp phần nâng cao hiệu quả trong CCHC, nâng cao hiệu suất làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; kịp thời giải quyết được các công việc một cách thuận tiện, giảm thời gian, chi phí cho người dân, doanh nghiệp.

Qua giám sát cho thấy, hầu như các cơ quan, đơn vị và địa phương đều có sáng kiến (giải pháp mới) cấp cơ sở về CCHC, một số sáng kiến tiêu biểu, nổi bật¹⁰ mang lại nhiều kết quả tích cực trong công tác CCHC trên địa bàn tỉnh và

⁸ Năm 2021 kiểm tra 14/14 đơn vị, địa phương gồm: 06 đơn vị cấp sở: Kế hoạch và Đầu tư; Lao động Thương binh và Xã hội; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tư pháp; Thông tin và Truyền thông; Xây dựng và 08 UBND cấp huyện: Pleiku, Chư Păh, Chư Prông, Ia Grai, Đak Pơ, An Khê, Kông Chro và Krông Pa. Năm 2022 kiểm tra 15/15 đơn vị, địa phương gồm: 07 đơn vị cấp sở: Ban Dân tộc, Công thương, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và 08 UBND cấp huyện: Ayun Pa, Krông Pa, Chư Prông, Đức Cơ, Chư Păh, Kbang, Mang Yang, Phú Thiện. Năm 2023 kiểm tra 13/13 đơn vị, địa phương gồm: 06 đơn vị cấp sở: Giao thông vận tải; Khoa học và Công nghệ; Lao động, Thương binh và Xã hội; Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và 07 UBND cấp huyện: An Khê, Ia Pa, Kông Chro, Chư Păh, Chư Sê, Đak Đoa, Ia Grai.

⁹ Như: Niêm yết công khai TTHC chưa đảm bảo theo quy định; chưa thực hiện liên thông trong việc giải quyết hồ sơ TTHC từ cấp xã đến cấp huyện hoặc liên thông việc giải quyết hồ sơ TTHC ngành dọc; tiếp nhận thừa thành phần hồ sơ; thời gian giải quyết hồ sơ chưa đúng quy định hoặc giải quyết trễ hạn; thực hiện văn bản xin lỗi chưa đúng theo quy định; chưa cập nhật hồ sơ vào hệ thống một cửa điện tử;...

¹⁰ Như: Sáng kiến của Sở Tư pháp về Giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng cơ sở dữ liệu trong việc theo dõi tình hình triển khai các văn bản QPPL của Trung ương có nội dung giao nhiệm vụ cho địa phương trên địa bàn tỉnh Gia Lai; kết nối trao đổi thông tin giữa cơ quan Thuế và cơ quan Tài nguyên và Môi trường bằng công 1022 tỉnh Gia Lai; kết nối trao đổi thông tin giữa cơ quan Thuế và cơ quan Tài nguyên và Môi trường bằng hình thức điện tử qua hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật bằng hình thức trực tuyến; triển khai tra cứu thông tin TTHC qua mã QR code của Sở Giao

được Bộ Nội vụ đánh giá điểm tối đa của tiêu chí sáng kiến trong Bộ chỉ số CCHC của tỉnh năm 2021, 2022.

2. Kết quả thực hiện công tác triển khai các nội dung theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh

2.1. Cải cách thể chế

Công tác thể chế hóa thông qua việc ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) theo thẩm quyền của địa phương, đơn vị được thực hiện cơ bản kịp thời, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước. Các văn bản QPPL của UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện đã được các cơ quan chuyên môn của UBND xây dựng, soạn thảo, lấy ý kiến, thẩm định, trình UBND ban hành đảm bảo theo quy định¹¹ và phù hợp với thực tiễn của tỉnh.

Công tác kiểm tra, tự kiểm tra và rà soát, hệ thống văn bản QPPL được các cấp, các ngành, địa phương chú trọng và tổ chức thực hiện thông qua hoạt động kiểm tra công tác tư pháp, kiểm tra liên ngành về theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính. Trong kỳ báo cáo, UBND tỉnh đã tổ chức 03 đợt kiểm tra theo địa bàn, lĩnh vực tại 18 đơn vị, địa phương¹² và tự kiểm tra theo thẩm quyền pháp luật quy định¹³; qua đó phát hiện các văn bản QPPL hết hiệu lực, chưa phù hợp với quy định¹⁴ và tình hình thực tế đề xuất sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế; Chủ tịch UBND tỉnh¹⁵, Chủ tịch UBND cấp huyện đã thực hiện công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực hằng năm và trong giai đoạn hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc thẩm quyền theo quy định.

Việc rà soát văn bản theo chỉ đạo của các Bộ, ngành, cơ quan trung ương được UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định¹⁶. Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh đổi mới, xây dựng phần mềm ứng dụng Sheet (trang tính) trên nền Google Docs để xây dựng “*Danh mục tình hình triển khai các VBQPPL của Trung ương giao nhiệm vụ cho địa phương*” với 24 biểu thu thập thông tin tình hình thi hành pháp luật của 24 cơ quan, đơn vị; kịp thời cập nhật các

thông vận tải Gia Lai; giải pháp xây dựng và vận hành “*Hệ thống rà soát dữ liệu dữ liệu kết quả thực hiện quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*” trên Trang thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Gia Lai; phần mềm ứng dụng Zalo Oa tại các địa phương;...

¹¹ Giai đoạn 2021 đến tháng 02/2024, UBND tỉnh đã ban hành 122 quyết định QPPL, UBND cấp huyện ban hành 99 quyết định QPPL, UBND cấp xã trong giai đoạn giám sát không ban hành văn bản QPPL.

¹² Năm 2021 kiểm tra tại 06 đơn vị, địa phương (03 Sở: Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và 03 UBND cấp huyện: Chư Prông, Chư Păh, Kông Chro). Năm 2022 kiểm tra tại 06 đơn vị, địa phương (03 Sở: Giao thông vận tải, Lao động, Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo và 03 UBND cấp huyện: Mang Yang, Phú Thiện, Ia Pa). Năm 2023 kiểm tra tại 06 đơn vị, địa phương (03 Sở: Y tế, Khoa học và Công nghệ, Tài chính và 03 UBND cấp huyện: Thị xã An Khê, Đak Đoa, Ia Grai).

¹³ Giám đốc Sở Tư pháp giúp UBND tỉnh thực hiện tự kiểm tra 122 quyết định QPPL do UBND tỉnh ban hành và 102 VBQPPL của HĐND, UBND cấp huyện gửi thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Trường phòng Tư pháp giúp UBND huyện thực hiện tự kiểm tra 99 quyết định QPPL do UBND cấp huyện ban hành.

¹⁴ Qua thực hiện kiểm tra văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện, Giám đốc Sở Tư pháp đã phát hiện 41 văn bản QPPL (gồm 01 nghị quyết và 40 quyết định) có nội dung chưa phù hợp đã được Sở Tư pháp thông báo đến HĐND, UBND cấp huyện để xử lý theo quy định.

¹⁵ Thực hiện công bố tại Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 29/01/2021, Quyết định số 45/QĐ-UBND ngày 19/01/2022, Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 16/01/2023, Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 02/01/2024.

¹⁶ Như Báo cáo kết quả rà soát, hệ thống văn bản QPPL của tỉnh Gia Lai theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 của Quốc hội về kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV; báo cáo kết quả rà soát văn bản QPPL phục vụ triển khai Đề án 06; Báo cáo kết quả rà soát văn bản theo Luật Giao dịch điện tử.

thông tin văn bản QPPL và tình hình thực hiện của các sở, ban, ngành và địa phương, góp phần hoàn thiện thể chế, hệ thống văn bản QPPL, cơ chế, chính sách của trung ương và của địa phương.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính

Việc thực hiện các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC): Công tác rà soát, đơn giản hóa TTHC được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện. UBND tỉnh đã thông qua phương án đơn giản hóa, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC và chi phí cho người dân và tổ chức, doanh nghiệp đối với 720 TTHC.

Việc công bố, công khai TTHC được chuyển tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và địa phương đảm bảo đúng quy định¹⁷. Đến thời điểm giám sát, toàn tỉnh có 1.846 TTHC, trong đó 1.335 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan cấp tỉnh, 253 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và 154 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết UBND cấp xã.

Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được quan tâm. Các TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thường xuyên được rà soát, cập nhật và niêm yết, công khai cơ bản theo quy định¹⁸.

Tại thời điểm giám sát, Cổng dịch vụ công của tỉnh đã tích hợp 800 dịch vụ công trực tuyến một phần và 982 Dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 392 TTHC được triển khai thành toán trực tuyến; toàn tỉnh đã tiếp nhận và giải quyết 168.430 hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ trực tuyến/tổng số hồ sơ phát sinh của Dịch vụ công trực tuyến đạt trên 40%.

Trên địa bàn tỉnh có 1.742 TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; 107 TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp và 76 TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền. 100% TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ và quy trình nội bộ đã được điện tử hóa.

Về kết quả giải quyết TTHC: Từ năm 2021 đến tháng 3/2024, toàn tỉnh tiếp nhận, giải quyết 2.300.086 hồ sơ TTHC¹⁹. Đã giải quyết: 2.258.936 hồ sơ, trong đó:

¹⁷ Từ năm 2021 đến tháng 3/2024: Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành 282 Quyết định công bố danh mục TTHC và TTHC, trong đó: Công bố mới 439 TTHC, công bố sửa đổi, bổ sung 1.135 TTHC, công bố bãi bỏ 592 TTHC.

¹⁸ Trong kỳ báo cáo, đã công bố áp dụng liên thông cùng cấp đối với 107 TTHC; liên thông giữa các cấp chính quyền 76 TTHC. 100% TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC và đã được điện tử hóa.

¹⁹ Cụ thể: (1) Năm 2021: Toàn tỉnh tiếp nhận, giải quyết 879.580 hồ sơ TTHC trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 35.328 hồ sơ nhận trực tuyến, 840.724 hồ sơ nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính; 3.528 hồ sơ nhận từ kỳ trước chuyển qua. Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 866.336; trong đó, giải quyết trước hạn: 136.036 hồ sơ; đúng hạn: 726.183 hồ sơ, quá hạn: 4.117 hồ sơ. Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 13.244; trong đó, trong hạn: 12.070 hồ sơ, quá hạn: 1.174 hồ sơ. (2) Năm 2022: Toàn tỉnh tiếp nhận, giải quyết 725.168 hồ sơ TTHC trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 47.318 hồ sơ nhận trực tuyến; 672.647 hồ sơ nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính; 5.203 hồ sơ nhận từ kỳ trước chuyển qua. Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 715.589; trong đó, giải quyết trước hạn: 149.209 hồ sơ; đúng hạn: 562.890 hồ sơ, quá hạn: 3.490 hồ sơ. Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 9.579; trong đó, trong hạn: 7.645 hồ sơ, quá hạn: 1.934 hồ sơ. (3) Năm 2023: Toàn tỉnh tiếp nhận, giải quyết 641.633 hồ sơ TTHC trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 144.856 hồ sơ nhận trực tuyến; 490.277 hồ sơ nhận trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính; 6.500 hồ sơ nhận từ kỳ trước chuyển qua. Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 633.850; trong đó, giải quyết trước hạn: 151.058 hồ sơ; đúng hạn: 479.961 hồ sơ, quá hạn: 2.831 hồ sơ. Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 7.783; trong đó, trong hạn: 6.094 hồ sơ, quá hạn: 1.689 hồ sơ. (4) Từ đầu năm 2024 đến tháng 3/2024: Toàn tỉnh tiếp nhận, giải quyết 53.705 hồ sơ TTHC trong đó: Số mới tiếp nhận trong kỳ: 18.086 hồ sơ nhận trực tuyến; 35.619 hồ sơ nhận trực

Giải quyết trước hạn: 436.303 hồ sơ; đúng hạn: 1.811.693 hồ sơ, quá hạn: 10.940 hồ sơ (chiếm tỷ lệ 0,48%). Đối với những hồ sơ giải quyết quá hạn, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện văn bản xin lỗi theo quy định.

Việc niêm yết công khai số điện thoại, địa chỉ thư điện tử về tiếp nhận và phản ánh, kiến nghị về TTHC của cá nhân, tổ chức tại Bộ phận một cửa trên địa bàn tỉnh được thực hiện cơ bản đảm bảo theo quy định²⁰. Từ năm 2021 đến tháng 3/2024, UBND tỉnh đã tiếp nhận 469 phản ánh, kiến nghị; nội dung phản ánh, kiến nghị chủ yếu liên quan đến các lĩnh vực: Đất đai, đăng ký kinh doanh, thuế, căn cước công dân, hỗ trợ người dân do ảnh hưởng bởi Covid-19,... Các nội dung phản ánh kiến, kiến nghị đã được UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị kịp thời xử lý, trả lời công dân và công khai theo quy định, đến nay đã giải quyết xong 463 phản ánh, kiến nghị (đạt 98,72%), còn 03 phản ánh, kiến nghị đang giải quyết (chiếm 1,28%).

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Về kết quả rà soát hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế, cơ quan, đơn vị trực thuộc: Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện được thực hiện thường xuyên, đảm bảo theo quy định và hướng dẫn của trung ương, theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối; chức năng, nhiệm vụ được rà soát, điều chỉnh đảm bảo hợp lý, khắc phục được tình trạng trùng lặp, chồng chéo.

UBND tỉnh đã ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 19/20 sở, ban, ngành (Thanh tra tỉnh đang thực hiện quy trình). Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã thực hiện theo hướng dẫn của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, xây dựng và ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các cơ quan chuyên môn theo quy định.

Công tác quản lý, bố trí, sử dụng biên chế, tinh giản biên chế được thực hiện cơ bản kịp thời theo quy định Luật Cán bộ công chức; Luật Viên chức và các văn bản hướng dẫn thi hành; chất lượng đội ngũ công chức, viên chức được nâng lên, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn.

Theo số liệu báo cáo của UBND tỉnh, tính đến ngày 12/3/2024: Tổng số biên chế công chức hành chính của tỉnh được giao là 2.677 biên chế. Tổng số biên chế sự nghiệp của tỉnh là 26.103 biên chế.

Việc rà soát, tinh giản biên chế thực hiện theo lộ trình tinh giản biên chế của Bộ Chính trị và kế hoạch của Tỉnh ủy, kết quả giai đoạn 2022 - 2026 giảm được 134 biên chế công chức tương ứng giảm 5% biên chế công chức được giao năm 2021; giảm 2.765 người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước tương ứng giảm

tiếp và qua dịch vụ bưu chính; 0 hồ sơ nhận từ kỳ trước chuyển qua. Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 43.161; trong đó, giải quyết trước hạn: 0 hồ sơ; đúng hạn: 42.659 hồ sơ, quá hạn: 502 hồ sơ. Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 10.351; trong đó, trong hạn: 9.951 hồ sơ, quá hạn: 400 hồ sơ.

²⁰ Năm 2021, 2023, 2024 tiếp nhận phản ánh kiến nghị chủ yếu qua Hệ thống phản ánh kiến nghị được tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; riêng năm 2022 ngoài việc tiếp nhận trên Cổng DVC quốc gia thì tỉnh còn tiếp nhận trên Hệ thống thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh (hiện nay hệ thống này đã dừng không hoạt động).

10% số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao năm 2021 (đã bao gồm số lượng người làm việc sự nghiệp giáo dục được bổ sung).

Thực hiện phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước theo tinh thần Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ “*Về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước*”, từ năm 2021 đến năm 2023, UBND tỉnh đã ban hành 06 quyết định²¹ phân cấp thẩm quyền một số nhiệm vụ lĩnh vực: Giao thông vận tải, thông tin truyền thông, tài nguyên và môi trường, tư pháp,... cho các sở, ngành và địa phương thực hiện. Qua phân cấp đã tạo điều kiện cho các ngành, địa phương chủ động trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và kịp thời tháo gỡ, giải quyết công việc thuộc thẩm quyền, tăng cường trách nhiệm, tính chủ động trong công tác quản lý, giảm bớt một số quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết công việc.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

Về xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức: Hiện nay, UBND tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc triển khai xây dựng, hoàn chỉnh Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Kết quả thực hiện đến ngày 31/3/2024 như sau:

- **Đối với các cơ quan hành chính:** UBND tỉnh đã phê duyệt đề án vị trí việc làm đối với 21/21 sở, ngành; 17/17 UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- **Đối với đơn vị sự nghiệp:** UBND tỉnh đã phê duyệt: 34 đơn vị; đang xem xét, phê duyệt: 01 đơn vị; đang thẩm định: 75 đơn vị.

Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức được quan tâm thực hiện; công tác đào tạo, bồi dưỡng được chú trọng, góp phần nâng cao trình độ, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức, từng bước đạt chuẩn theo yêu cầu. Hằng năm, UBND tỉnh đều phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (CBCC), viên chức (VC) của tỉnh và đôn đốc triển khai thực hiện. Các cơ quan, đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch, chiêu sinh, tổ chức thực hiện. Trong kỳ báo cáo, các cơ quan, đơn vị và cơ sở đào tạo đã mở 255 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho 19.435 học viên (Năm 2021, 2022 đạt 100% kế hoạch; năm 2023 đạt 84,90% kế hoạch).

Để đảm bảo thẩm quyền quản lý CBCC, VC theo các quy định hiện hành, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành Quyết định số 08/2024/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 “*Ban hành quy định về tổ chức quản lý bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, số lượng người làm việc, số lượng lao động hợp đồng, người giữ chức danh, chức vụ, kiểm soát viên tại doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh, có hiệu lực từ ngày 08/3/2024, thay thế Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 “Ban*

²¹ (1) Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND ngày 08/4/2021 “*Về quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”; (2) Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 14/6/2021 “*Về quy định phân cấp sử dụng nguồn thu từ Quỹ phòng, chống thiên tai*”; (3) Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 “*về việc phân cấp thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai*”; (4) Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 “*Về việc phân cấp thẩm quyền thực hiện việc đăng ký phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước và quản lý phương tiện được miễn đăng ký trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”; (5) Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 “*Về việc ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”; (6) Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 “*Về phân cấp thẩm quyền lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị; lập, điều chỉnh danh mục công trình kiến trúc có giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”.

hành quy định quản lý công tác nội vụ của tỉnh Gia Lai”.

Về cán bộ, công chức cấp xã: Thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ²² và Nghị quyết 312/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh “*Quyết định số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã đối với từng huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2023*”; ngày 11/3/2024, UBND tỉnh ban hành Quyết định 09/2024/QĐ-UBND “*Ban hành quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai*”, theo đó UBND tỉnh đã quy định cụ thể về sử dụng, tuyển dụng, tuyển chọn và phân cấp quản lý cán bộ công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Theo thống kê đến ngày 31/12/2023 có 4.401/4.574 biên chế cán bộ, công chức cấp xã được bố trí, gồm: 2.273 cán bộ; 2.128 công chức.

Về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức hiện nay: Về văn hóa (tỷ lệ đạt chuẩn): Cán bộ: 2.211/2273, bằng 97,27%; công chức: 2.114/2128, bằng 99,34%. Trình độ chuyên môn (tỷ lệ % đạt chuẩn): Cán bộ: 2.190/2273, bằng 96,34%; công chức: 2.001/2128, bằng 94,03%. Lý luận chính trị (tỷ lệ % đạt chuẩn) cán bộ: 2.259/2273, bằng 99,38%; công chức: Không yêu cầu lý luận chính trị.

Về công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn hằng năm cho cán bộ, công chức cấp xã: Năm 2022 đã tổ chức cho 820 lượt cán bộ, công chức xã, đạt 18,77%; năm 2023 tổ chức cho 744 lượt cán bộ, công chức, đạt 16,91% so với tổng số cán bộ, công chức xã.

Việc xây dựng và triển khai chuyên đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật: Qua giám sát, các cơ quan, đơn vị, địa phương hằng năm đã xây dựng kế hoạch chuyên đổi vị trí việc làm thực hiện theo Luật Phòng chống tham nhũng năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ “*Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng*”; Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng*”, kế hoạch của UBND tỉnh, hướng dẫn của Thanh tra tỉnh và theo thẩm quyền phân cấp.

2.5. Cải cách tài chính công

- *Về kết quả thực hiện các quy định về quản lý ngân sách tại đơn vị, địa phương:* Sở Tài chính đã thực hiện nhập dự toán trên hệ thống TABMIS cho các chương trình, dự án theo các quyết định giao vốn đầu tư công được UBND tỉnh giao, đảm bảo đúng và trước thời hạn quy định. Trong kỳ báo cáo, Sở Tài chính đã cấp mã số đơn vị có quan hệ ngân sách cho 8.043 dự án đầu tư, đảm bảo đúng và trước thời gian quy định tại Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính “*Hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách*”.

- *Về kết quả khắc phục kiến nghị của Kiểm toán ngân sách địa phương:* Năm 2020 đạt 99,3% (509,957/513,521 tỷ đồng); năm 2021 đạt 97,8% (181,135/185,274 tỷ đồng).

²² Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

- *Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài chính công*: Thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành nhiều nghị quyết quy định về quản lý, sử dụng tài sản công²³. Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định²⁴ về lĩnh vực tài sản công theo thẩm quyền; tăng cường công tác quản lý về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý hành chính và ngân sách ở các cấp. Việc mua sắm đúng định mức, tiêu chuẩn, kết hợp với điều chuyển, thanh lý đảm bảo nhu cầu phục vụ nhiệm vụ chung của các cơ quan, đơn vị²⁵.

- *Về thực hiện cơ chế tự chủ*: UBND cấp tỉnh, cấp huyện đã thực hiện rà soát, đánh giá kết quả hoạt động của các đơn vị để phân loại, giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tăng cường phân cấp, nâng cao mức tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp²⁶.

²³ Các nghị quyết Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tỉnh; phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh; phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

²⁴ (1) Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 14/01/2020 và Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh “Về việc phê duyệt phương án rà soát, sắp xếp xe ô tô của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh”; (2) Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh “Về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh”; (3) Quyết định số 790/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh bổ sung điểm d khoản 1 Điều 1 Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh “Về việc ban hành danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện trên địa bàn tỉnh”; (4) Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 “Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh, Ban Quản lý dự án KfW 10 tỉnh và Ban Quản lý dự án Vnsat tỉnh”; (5) Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 “Phê duyệt phương án xử lý và bán tài sản công là cơ sở nhà, đất của Trung tâm Pháp y tại số 132B Tôn Thất Tùng, thành phố Pleiku”; (6) Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 “Phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý trụ sở UBND xã Chư HDrông (cũ) nay là UBND phường Chi Lăng, thành phố Pleiku theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ”; (7) Quyết định số 747/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 “Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ”; (8) Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 “Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ”; (9) Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 “Phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc khối Đảng trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ”.

²⁵ Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công từ năm 2021 đến năm 2023:

- *Về mua sắm, điều chuyển, thanh lý xe ô tô*: Trong thời gian qua các sở, ngành, địa phương đã tổ chức thanh lý: 158 xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng; điều chuyển 15 chiếc xe ô tô và thực hiện mua sắm mới theo đúng tiêu chuẩn, định mức 38 xe ô tô phục vụ công tác chung và xe ô tô chuyên dùng với tổng giá trị mua sắm: 39.633 triệu đồng.

- *Mua sắm tập trung*: Tổng giá trị thực hiện từ năm 2021 đến năm 2023: Giá dự toán: 53.084 triệu đồng; giá trị trúng thầu: 52.623 triệu đồng; tiết kiệm qua đấu thầu: 461 triệu đồng.- *Về sắp xếp lại xử lý tài sản công theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ*: Tính đến 31/12/2023, tổng số cơ sở nhà, đất các đơn vị, địa phương đang quản lý, sử dụng: 3.626 cơ sở. Trong đó: Số cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi, đối tượng sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP: 3.454 cơ sở; số cơ sở nhà, đất đã kê khai, báo cáo: 3.442 cơ sở; số cơ sở nhà, đất đã kiểm tra hiện trạng: 3.442 cơ sở; số cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 3.416 cơ sở (Trong đó: Giữ lại tiếp tục sử dụng: 3.081 cơ sở; thu hồi: 150 cơ sở; điều chuyển: 135 cơ sở; bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất: 15 cơ sở; chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý: 28 cơ sở; tạm giữ lại tiếp tục sử dụng: 7 cơ sở).

UBND tỉnh ban hành đã ban hành Quyết định²⁷ giao tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai²⁸ xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số trên địa bàn tỉnh, kiện toàn Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số từ tỉnh đến cơ sở tạo sự đồng thuận, thống nhất trong lãnh đạo, triển khai thực hiện²⁹.

UBND tỉnh phê duyệt kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ Chính quyền điện tử các đơn vị, địa phương thuộc tỉnh. Đồng thời, đã chỉ đạo các sở, ngành xây dựng ứng dụng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ như: Phần mềm “Quản lý giao việc”; Hệ thống Thông tin báo cáo; Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành được triển khai thực hiện tại 100% cơ quan hành chính nhà nước và liên thông 3 cấp (tỉnh - huyện - xã); Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh được duy trì và hoạt động ổn định;... Hệ thống hội nghị truyền hình kết nối thông suốt tại 20 điểm cầu³⁰; 17/17 UBND cấp huyện đã triển khai HNTTH từ cấp huyện đến cấp xã (220/220 xã), đạt tỷ lệ 100%; một số sở, ngành cũng đã đầu tư các thiết bị đầu cuối hệ thống hội nghị truyền hình để họp trực tuyến.... phục vụ phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương.

- *Mô hình "Một cửa điện tử liên thông"*: 17/17 UBND cấp huyện, 20 đơn vị cấp sở, ban, ngành đã được triển khai mô hình "Một cửa điện tử liên thông";

²⁶ Đối với cấp tỉnh: Đến thời điểm giám sát có 100% cơ quan nhà nước (39 đơn vị) đã triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và 100% đơn vị đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công; 136 đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Đối với cấp huyện: Đến thời điểm giám sát có 100% cơ quan hành chính cấp huyện (304 đơn vị) đã triển khai cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ và 100% cơ quan đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công; có 761 đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện thực hiện tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

²⁷ Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 “V/v giao quyền tự chủ tài chính cho Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023-2025”; Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 12/7/2023 “V/v giao quyền tự chủ tài chính cho Trường Cao đẳng Gia Lai giai đoạn 2023-2025”; Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 11/7/2023 “V/v giao quyền tự chủ tài chính cho Trường Chính trị tỉnh giai đoạn 2023-2025”; Quyết định số 376/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 “V/v giao quyền tự chủ tài chính cho Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh giai đoạn 2023-2025”; Quyết định số 243/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 “V/v giao quyền tự chủ tài chính cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023-2025”; Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 27/2/2023 “V/v giao quyền tự chủ tài chính cho Ban quản lý các Dự án đầu tư Xây dựng tỉnh giai đoạn 2023-2025”.

²⁸ Ban hành Chương trình hành động số 921/CTHH-UBND ngày 12/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai (khóa XVI) “Về chuyển đổi số tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 1331/KH-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh Gia Lai triển khai thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 22/01/2024 “V/v ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Gia Lai năm 2024”; Kế hoạch số 972/KH-UBND ngày 26/4/2023 “V/v triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”; Công văn số 191/UBND-KGVX ngày 19/01/2023 “V/v triển khai Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin cho thiết bị camera giám sát”; Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 “Ban hành Bộ chỉ số chuyển đổi số của tỉnh Gia Lai”;...

²⁹ Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh đã ban hành các kế hoạch và Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá mức độ Chính quyền điện tử tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2023.

³⁰ Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông và 17 UBND cấp huyện.

hệ thống hoạt động hiệu quả, giảm thời gian xử lý công việc, tăng tính công khai, minh bạch đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp, UBND cấp huyện đã triển khai nhân rộng đến 100% cấp xã. Tích hợp 100% TTHC của các sở, ngành, địa phương với Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến/Tổng số hồ sơ phát sinh của các dịch vụ công trực tuyến đạt trên 40%. Các đơn vị, địa phương đã tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ công trực tuyến; nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tăng cường hỗ trợ ứng dụng thanh toán trực tuyến, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử tới tất cả người dân.

Ngoài ra, để hỗ trợ người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 65/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 “*Quy định về mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh*”.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Về công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

- Công tác CCHC trên địa bàn tỉnh chưa hiệu quả, chỉ số CCHC³¹ cải thiện không đáng kể, việc thu hút đầu tư và cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh³² (PCI) của tỉnh trong năm 2021, 2022 xếp hạng thấp so với toàn quốc.

- Công tác chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn nhiều hạn chế, nhất là cấp xã. Việc ban hành kế hoạch về CCHC chưa mang tính toàn diện³³ và chưa thực sự gắn với hoạt động thực tiễn của ngành, đơn vị. Vai trò, trách nhiệm người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị thực hiện chưa nghiêm, chưa thường xuyên, nhất là trong việc thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh giao còn chậm, trễ hạn như: Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, các nội dung liên quan đến việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;...; cá biệt có một số lãnh đạo UBND cấp xã không nắm được các quy định bộ TTHC đơn vị mình đang thực hiện giải quyết³⁴.

- Chất lượng công tác kiểm tra, giám sát về CCHC hiệu quả chưa cao, việc khắc phục những tồn tại, hạn chế sau thanh tra, kiểm tra chưa nghiêm, chưa triệt để³⁵.

- Công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC nói chung và cải cách TTHC nói riêng, nhất là việc tiếp nhận và giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế³⁶, chưa thật sự tạo sức lan tỏa tới người dân, tổ chức, doanh nghiệp

³¹ Năm 2021 chỉ số CCHC xếp hạng 42/63 tỉnh, thành phố; Năm 2022 xếp hạng 58/63 tỉnh, thành phố.

³² Năm 2021 Gia Lai xếp vị thứ 26/63 tỉnh, thành và xếp thứ 2 ở khu vực Tây Nguyên; năm 2022 Gia Lai xếp vị thứ 52/63 tỉnh, thành và xếp thứ 5 ở khu vực Tây Nguyên.

³³ Chương trình tổng thể CCHC nhà nước gồm 06 nội dung, tuy nhiên, đa phần các cơ quan, đơn vị và địa phương chỉ tập trung chú trọng công tác cải cách TTHC.

³⁴ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Ia Rsum, xã Chư Gu, huyện Krông Pa, lãnh đạo UBND xã không nắm được hiện tại có bao nhiêu bộ TTHC, thuộc bao nhiêu lĩnh vực được niêm yết và giải quyết tại xã.

³⁵ Việc niêm yết công khai TTHC chưa đầy đủ và chưa đảm bảo theo quy định; tiếp nhận thừa thành phần hồ sơ; thời gian giải quyết hồ sơ chưa đúng quy định hoặc giải quyết trễ hạn; chưa cập nhật hồ sơ vào hệ thống một cửa điện tử;...

³⁶ Theo quy định Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh thì năm 2021, số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022-2025 mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ

và cộng đồng xã hội nhận thức về CCHC, kết quả tác động của CCHC. Việc nhân rộng mô hình, sáng kiến, cách làm hay về CCHC còn hạn chế.

- Còn lúng túng trong việc tìm giải pháp thay thế Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trên địa bàn cấp xã để Bưu điện thực hiện (tại Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh).

1.2. Đối với các nội dung cụ thể theo Chương trình tổng thể CCHC

(1) Cải cách thể chế

- Việc chuẩn bị hồ sơ đối với các nghị quyết QPPL trình tại các kỳ họp HĐND tỉnh chưa kịp thời, còn chậm, chưa đảm bảo quy trình thủ tục, dẫn đến tình trạng xin rút, xin bổ sung nội dung³⁷ trình tại kỳ họp HĐND tỉnh³⁸. Một số văn bản QPPL do cấp huyện ban hành không gửi hoặc gửi không kịp thời đến Sở Tư pháp để theo dõi, kiểm tra³⁹.

- Công tác rà soát văn bản QPPL chưa thực sự hiệu quả⁴⁰; một số đơn vị chưa thực sự quan tâm đến công tác hệ thống hóa văn bản QPPL kỳ 2019-2023, báo cáo hệ thống hóa còn chậm trễ, kết quả tự rà soát chưa đảm bảo chất lượng.

(2) Cải cách thủ tục hành chính

- Việc thực hiện cập nhật, công bố sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TTHC ở một số đơn vị còn chậm⁴¹.

- Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến⁴² (chiếm 10,68% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC) và giao dịch thanh toán trực tuyến còn thấp so với số lượng hồ sơ giao dịch trực tiếp và thanh toán bằng tiền mặt nên việc hoàn

100%, tuy nhiên thực tế khảo sát và báo cáo của huyện tỷ lệ này đạt rất thấp như: Huyện Krông Pa, Chư Sê và thành phố Pleiku...

³⁷ Theo Công văn số 1206/UBND-KTTH ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh "V/v phê bình Giám đốc Sở Tài chính về chuẩn bị nội dung kỳ họp; Công văn số 1484/UBND-KGVX ngày 19/6/2023 UBND tỉnh "V/v phê bình Giám đốc các sở thuộc khối Văn hóa - Xã hội chậm tham mưu xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh"...

³⁸ Theo kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh, chương trình kỳ họp HĐND tỉnh

³⁹ Qua theo dõi của Sở Tư pháp: (1) Đơn vị không gửi văn bản QPPL: Huyện Chư Păh (Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 27/12/2023); (2) Đơn vị gửi VB QPPL không kịp thời đến Sở Tư pháp để theo dõi, kiểm tra theo quy định tại Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (ít nhất là 3 ngày làm việc kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành): Thị xã An Khê (Quyết định số 02/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 gửi đến Sở Tư pháp vào ngày 11/8/2023; Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 02/8/2023 gửi đến Sở Tư pháp vào ngày 09/8/2023). Huyện Chư Păh (Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 gửi đến Sở Tư pháp vào ngày 23/6/2022).

⁴⁰ Qua Kết luận Đoàn Kiểm tra liên ngành, Bộ Tư pháp kiểm tra công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL tại tỉnh Gia Lai đã chỉ ra 06 văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh chưa phù hợp với quy định của pháp luật, gồm: (1) Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh; (2) Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh về việc quy định diện tích, kích thước tối thiểu được phép tách thửa đối với từng loại đất trên địa bàn tỉnh; (3) Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp trên địa bàn tỉnh; (4) Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 24/5/2011 của UBND tỉnh ban hành quy định về tổ chức quản lý, sử dụng xe thô sơ, gắn máy, mô tô hai bánh, mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh; (5) Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 11/5/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 24/5/2011 của UBND tỉnh; (6) Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh quy định chi tiết danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

⁴¹ Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Y tế; ...

⁴² Trong giai đoạn 2021 đến tháng 3/2024, hồ sơ nhận trực tuyến 245.588/2.300.086 hồ sơ tiếp nhận, giải quyết TTHC.

thành tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến theo quy định của Chính phủ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP⁴³ và Quyết định số 602/QĐ-UBND của UBND tỉnh đề ra là rất khó khăn; tỷ lệ thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại UBND cấp huyện và cấp xã còn thấp và khó thực hiện⁴⁴; cơ sở vật chất chưa đáp ứng yêu cầu. Kết quả giải quyết TTHC ở một số lĩnh vực còn phiền hà, trễ hạn⁴⁵, nhất là lĩnh vực đất đai.

- Việc giải quyết thủ tục đầu tư còn chậm qua nhiều khâu, tầng nấc, trách nhiệm chưa rõ, quy trình kéo dài, dẫn đến thu hút đầu tư còn nhiều hạn chế.

- Chưa thực hiện nghiêm việc công khai xin lỗi⁴⁶ đối với những hồ sơ giải quyết trễ hạn⁴⁷.

- Việc thực hiện niêm yết, công khai các TTHC của một số của đơn vị, địa phương chưa đảm bảo đúng quy định; chưa thực hiện việc cập nhật đầy đủ, kịp thời các thành phần hồ sơ trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC⁴⁸; niêm yết chưa khoa học, chưa đầy đủ mức phí, lệ phí thu và miễn thu đối với TTHC tại Bộ phận một cửa⁴⁹. Do đó, còn tình trạng người dân không quan tâm đến bảng công khai các TTHC mà thường đến hỏi trực tiếp công chức ở Bộ phận một cửa cho thuận tiện và nhanh hơn.

- Một số đơn vị chưa được quan tâm thực hiện việc niêm yết công khai địa chỉ, thông tin phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính⁵⁰.

- Việc tích hợp, kết nối liên thông các phần mềm liên quan đến giải quyết

⁴³ Theo mục tiêu cải cách TTHC tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ: Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 40%, 30%, 20%, 15%; giai đoạn 2022-2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

⁴⁴ Như: Quy định về TTHC còn vướng mắc trong công tác số hóa (thành phần hồ sơ phức tạp, nhiều bảng, biểu, sơ đồ khổ lớn... nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể tài liệu bắt buộc số hóa và tài liệu tự chọn số hóa), chỉ mới thực hiện được hồ sơ đầu ra (đính kèm kết quả), còn hồ sơ đầu vào tỷ lệ rất thấp.

⁴⁵ Trong giai đoạn 2021 đến tháng 3/2024, toàn tỉnh có 10.940 hồ sơ trễ hạn /2.300.086 hồ sơ tiếp nhận, giải quyết và đơn cử một số huyện như: Huyện Krông Pa: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện đã tiếp nhận và giải quyết 9.441 hồ sơ, trả trễ hạn 586 hồ sơ; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp xã đã tiếp nhận và giải quyết 59.265 hồ sơ, trễ hạn 3.755 hồ sơ. Thành phố Pleiku: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thành phố đã tiếp nhận và giải quyết 112.553 hồ sơ, trả trễ hạn 2.049 hồ sơ, đang giải quyết 338 hồ sơ, trong đó quá hạn 75 hồ sơ; Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả 22 xã, phường đã tiếp nhận và giải quyết 77.855 hồ sơ, trả trễ hạn 216 hồ sơ, đang giải quyết 29 hồ sơ.

⁴⁶ Tại Báo cáo số 152/BC-MCH ngày 28/3/2024 của Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả huyện Đức Cơ.

⁴⁷ Số hồ sơ trễ hạn: Năm 2021 4.117 hồ sơ; năm 2022 1.174 hồ sơ; năm 2023 2.831 hồ sơ; từ đầu năm 2024 đến tháng 02/2024 là 502 hồ sơ đã giải quyết và 400 hồ sơ quá hạn đang giải quyết.

⁴⁸ - Hầu hết tại 27 Bộ phận một cửa Đoàn giám sát khảo sát thực tế việc niêm yết công khai các TTHC chưa khoa học, chưa đảm bảo theo quy định Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

- Các Trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành chưa cập nhật đầy đủ các thông tin tại mục Thủ tục hành chính đăng tải như: Thông tin về phí, lệ phí; cơ quan ban hành, số hồ sơ, cách thức thực hiện, địa chỉ tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết, cơ quan phối hợp;...

⁴⁹ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Bộ phận một cửa xã Ia Rsuom, Chư Gu huyện Krông Pa; Bộ phận một cửa xã Ia Blang, huyện Chư Sê; Bộ phận một cửa xã Diên Phú, thành phố Pleiku: Tại thời điểm khảo sát chưa thực hiện niêm yết quy định về mức thu phí, lệ phí đối với hoạt động cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Nghị quyết số 65/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh).

⁵⁰ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Ia Rsuom, xã Chư Gu huyện Krông Pa chưa công khai niêm yết.

TTHC do Bộ, ngành trung ương cung cấp với phần mềm của tỉnh một số nội dung chưa đồng bộ, khó khăn trong thực hiện.

- Việc thực hiện Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trên địa bàn cấp xã để Bưu điện thực hiện (*tại Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh*) chưa thật sự phù hợp và còn nhiều bất cập, gây phiền hà cho người dân phải mất nhiều thời gian đi lại mới thực hiện được⁵¹.

- Mặc dù, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 29/01/2018 “*Ban hành quy chế hoạt động của cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh*” để đảm bảo cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC⁵²; tuy nhiên, thực tế qua khảo sát và làm việc với UBND cấp huyện, cấp xã việc bố trí công chức kiểm soát TTHC hiện nay chưa đảm bảo, chưa nắm rõ nhiệm vụ được giao (công chức vừa phải thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo vị trí việc làm và vừa phải thực hiện nhiệm vụ giải quyết TTHC).

- Hiện nay, chưa có quy định của pháp luật về các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí để làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ khi tỉnh quyết định việc thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một hoặc một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC theo quy định pháp luật về đấu thầu, dẫn đến các địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc chi trả⁵³.

(3) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Việc quản lý, sử dụng biên chế công chức hiện có chưa hiệu quả, còn nhiều biên chế chưa sử dụng⁵⁴; việc triển khai tuyển dụng công chức năm 2023 của tỉnh còn chậm.

- Việc triển khai sắp xếp, tổ chức lại, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bên trong của các cơ quan, đơn vị và địa phương chưa kịp thời, còn khó khăn⁵⁵; vẫn còn tình trạng bố trí lãnh đạo⁵⁶ nhiều hơn số lượng công chức không giữ chức vụ lãnh đạo; có phòng chuyên môn cấp huyện chỉ có 03 biên chế, dẫn đến không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*”.

⁵¹ Như: Một số thủ tục liên quan đến lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã quy định ký trực tiếp vào sổ nhưng khi thực hiện Đề án thì người dân phải chờ nhân viên Bưu điện luân chuyển hồ sơ qua cơ quan có thẩm quyền xử lý, hoặc một số lĩnh vực TTHC nhiều, phức tạp như lĩnh vực đất đai, bảo trợ xã hội.

⁵² Tại các sở, ban, ngành của tỉnh có 63 công chức; cấp huyện có 55 công chức, cấp xã có 220 công chức.

⁵³ Cụ thể: (1) UBND TP. Pleiku vướng mắc về cách tính chi phí tiền thuê đối với trang thiết bị làm việc Bưu điện đã trang bị; chi trả tiền thuê mặt bằng hàng năm; trả tiền điện, tiền nước sinh hoạt và chi phí văn phòng phẩm cho Bưu điện hàng tháng, dẫn đến UBND thành phố chưa thanh toán chi phí thực hiện Đề án với số tiền tạm tính hơn 3,1 tỷ đồng. (2) Theo báo cáo của Bưu điện tỉnh trong thời gian thực hiện thí điểm, Văn phòng UBND tỉnh mới trả 70% mức lương tối thiểu vùng cho 01 nhân viên bưu điện.

⁵⁴ Số biên chế chưa sử dụng còn nhiều: 178 biên chế công chức, 2.706 biên chế viên chức.

⁵⁵ Như: Hiện nay, Trung tâm Dịch vụ việc làm - đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chưa có quy định về xếp hạng nên không có chế độ hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Sở; UBND tỉnh chưa có hướng dẫn quy định về quản lý chợ nên việc thực hiện xã hội hóa chợ, bến xe (huyện Chư Sê), xã hội hóa chợ (huyện Mang Yang), xã hội hóa chợ và nhà máy rác (thị xã An Khê);...

⁵⁶ Như huyện Chư Pưh, Pleiku, Sờ Y tế.

(4) Về cải cách chế độ công vụ

- Công tác tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, chuyển ngạch, thăng hạng, bổ nhiệm chưa kịp thời⁵⁷.

- Đối tượng, tiêu chuẩn áp dụng chính sách thu hút tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ thực hiện theo Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ khó thu hút, đến nay tỉnh Gia Lai chưa thu hút được trường hợp nào.

- Ý thức, trách nhiệm, tinh thần, thái độ trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là việc phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp trong tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC của một bộ phận công chức, viên chức chưa cao; chất lượng phục vụ còn hạn chế.

(5) Về cải cách tài chính công

- Tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước, tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách còn thấp.

- Việc thực hiện mua sắm tập trung hiện nay còn nhiều bất cập⁵⁸.

- Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện do ngân sách bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên còn chiếm tỉ lệ cao⁵⁹; số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên đạt thấp (34/761 đơn vị), chiếm 4,47%; khó đạt mục tiêu đến năm 2025 có ít nhất 10% đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính.

(6) Về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Một số sở, ngành chưa hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số được giao trong năm 2023 (còn 03/38 nhiệm vụ), chuyển tiếp qua năm 2024.

- Cổng thông tin điện tử của tỉnh (<https://gialai.gov.vn>) chưa được nâng cấp theo quy định của Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

- Hệ thống tiếp nhận hồ sơ một cửa điện tử của tỉnh (phần hệ của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính) chưa tích hợp được với hệ thống tiếp nhận hồ sơ của các Bộ, ngành; thường xuyên báo lỗi, không ổn định.

- Chưa hình thành được kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; nhiều thông tin dữ liệu cần thiết chưa được tạo lập, chuẩn hóa, số hóa để phục vụ việc tra cứu và chia sẻ. Dữ liệu số chưa được tạo lập toàn diện, hầu hết hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại nhiều đơn vị chưa được số hóa, lưu trữ và quản lý.

- Đội ngũ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin thực hiện công tác CCHC tại

⁵⁷ Năm 2023, tỉnh chưa tổ chức thi tuyển công chức; từ năm 2020 đến nay chưa tổ chức thi nâng ngạch từ cán sự lên chuyên viên và tương đương cho cán bộ công chức cấp huyện (Theo báo cáo của UBND huyện Kông Chro tại báo cáo số 90/BC-UBND ngày 29/02/2024); Sở Y tế thực hiện việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại còn một số trường hợp chưa đúng thời gian quy định, có trường hợp chưa đảm bảo tiêu chuẩn quy định.

⁵⁸ Phải thực hiện nhiều quy trình lập hồ sơ theo phương thức tập trung. Nhiều đơn vị khi đã được bố trí kinh phí hoặc chỉ cần 1-2 thiết bị, nhưng vẫn chờ cung cấp thiết bị theo mua sắm tập trung, thời gian cũng cấp thiết bị lâu nên không đáp ứng kịp thời nhu cầu công việc.

⁵⁹ Chiếm 93,42% (711/761) trên tổng số đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện.

các địa phương phần lớn kiêm nhiệm, chuyên môn còn hạn chế, nhất là trong công tác tham mưu triển khai các nhiệm vụ phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

Những tồn tại, hạn chế nêu trên phần nào đã ảnh hưởng đến kết quả đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI những năm qua⁶⁰. Cho nên, quá trình thực hiện công tác CCHC ở tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 đạt kết quả chưa cao⁶¹.

2. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Hiện nay, hệ thống văn bản quy phạm, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương chưa cụ thể và thống nhất, có nội dung còn bất cập, chồng chéo⁶²; các quy định về TTHC thường xuyên thay đổi; một số lĩnh vực chưa có hướng dẫn của pháp luật nên trong quá trình triển khai thực hiện vẫn còn một số vướng mắc nhất định⁶³.

- Điều kiện kinh tế, nguồn thu và khả năng ngân sách của địa phương còn khó khăn nên việc bố trí kinh phí cho công tác CCHC nói chung, để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác CCHC và tại Bộ phận một cửa còn hạn chế. Do đó, một số quy định trong bộ tiêu chí thành phần theo yêu cầu Bộ chỉ số CCHC của Bộ Nội vụ quy định chưa thật sự phù hợp với nguồn lực của

⁶⁰ Năm 2021 Gia Lai xếp vị thứ 26/63 tỉnh, thành và xếp thứ 2 ở khu vực Tây Nguyên; năm 2022 Gia Lai xếp vị thứ 52/63 tỉnh, thành và xếp thứ 5 ở khu vực Tây Nguyên.

⁶¹ Năm 2021 chỉ số CCHC xếp hạng 42/63 tỉnh, thành phố; Năm 2022 xếp hạng 58/63 tỉnh, thành phố.

⁶² Như: Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn còn chồng chéo dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng vào các trường hợp cụ thể, nhất là việc thực hiện các quy định liên quan đến tách thửa đất, hợp thửa đất, trích lục thửa đất kèm theo Giấy chứng nhận đã cấp được đo vẽ ở nhiều thời kỳ, không có tọa độ, tình trạng pháp lý chưa đầy đủ dẫn đến việc xử lý hồ sơ còn mất nhiều thời gian, đặc biệt việc xử lý các hồ sơ tồn tại, sai sót từ các thời kỳ trước; việc xử lý hồ sơ trên môi trường mạng tại VPĐKKĐ mất rất nhiều thời gian; cơ sở dữ liệu đất đai chưa được đo đạc;... việc xây dựng Cổng thông tin điện tử của tỉnh hiện nay bị chồng chéo giữa 02 đơn vị là Sở TT&TT, Văn phòng UBND tỉnh theo Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 29/7/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông; Thông tư 01/2022/TT-VPCP ngày 02/5/2022 của Văn phòng Chính phủ, dẫn đến giải quyết TTHC trễ hạn tập trung ở lĩnh vực đất đai nhiều.

⁶³ Cụ thể như: (1) Thực hiện Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ *ban hành về phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ*. Tuy nhiên, đến nay một số Bộ ngành chưa tham mưu các văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các quy định liên quan liên quan theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành để phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC hoặc nhóm TTHC từ Bộ về UBND tỉnh hoặc từ UBND tỉnh về Sở, ngành hoặc từ UBND cấp huyện về UBND cấp xã thực hiện, với dự kiến sửa đổi Nghị định, Thông tư và lộ trình thực hiện giai đoạn 2022-2023 hoặc trong Quý I/2023. (2) Thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ *về tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp*. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành trước ngày 15/12/2023 phải hoàn thành công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi quản lý có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình để địa phương tổ chức thực hiện thống nhất trong toàn quốc. Tuy nhiên, hiện nay mới có 02 Bộ (Bộ Nội vụ và Bộ Tư pháp) công bố danh mục TTHC đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình. (3) Chưa có hướng dẫn cụ thể phạm vi đối tượng là nhân viên của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích có được quyền khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp tỉnh thực hiện giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một hoặc một số nhiệm vụ công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa, trả kết quả TTHC theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ. (4) Chưa có quy định của pháp luật về các định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ, ngành, địa phương do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích thực hiện (Bưu điện) và chưa có các hướng dẫn, quy định về nội dung chỉ, mức chỉ cho số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, dẫn đến các địa phương khó khăn trong việc chi trả; (5) UBND tỉnh chưa ban hành hướng dẫn cụ thể đối với việc quản lý chợ ở địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, dẫn đến khó khăn cho công tác sắp xếp; (6) Trung tâm Dịch vụ việc làm - đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội hiện nay chưa có quy định về xếp hạng, khó khăn cho việc thực hiện các chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo; (7) Chưa có hướng dẫn cụ thể tài liệu bắt buộc số hóa và tài liệu tự chọn số hóa;...

tỉnh như: Việc quy định các địa phương phải thực hiện giải ngân 100% vốn đầu tư công là chưa phù hợp vì thực tế một số công trình, dự án hoàn thành nhưng không sử dụng hết vốn bố trí theo kế hoạch đã phê duyệt, dẫn đến bị trừ điểm trong công tác CCHC hằng năm; hồ sơ TTHC ở lĩnh vực đất đai rất phức tạp, khối lượng hồ sơ nhiều, cần có sự phối hợp của nhiều cơ quan để giải quyết nên vẫn còn hồ sơ trễ hạn; tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (hiện nay ở các địa phương chủ yếu là các Trường học) nên khó đạt tỷ lệ theo quy định; tỷ lệ số hóa hồ sơ giải quyết TTHC;...

- Hiện nay, tỉnh chưa xây dựng được hệ thống số hóa kết quả giải quyết TTHC; chưa thực hiện xây dựng hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và địa phương chưa chủ động tổ chức tự kiểm tra, rà soát, giám sát thường xuyên công tác CCHC hoặc các nhiệm vụ được tỉnh giao như: Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng huyện, quy hoạch phân khu, quy hoạch đô thị, việc chậm sửa đổi, bổ sung một số quy định chưa phù hợp⁶⁴ dẫn đến việc thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác CCHC hiệu quả chưa cao.

- Chưa có giải pháp hoặc phương án đề xuất thay thế Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh để Bưu điện thực hiện tại Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 để triển khai khắc phục hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện thí điểm Đề án này.

- Công tác đo đạc, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai; lập quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch về xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất chưa sát, dẫn đến giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai trễ hạn quá nhiều.

- Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quy trình xây dựng văn bản QPPL; quy trình phối hợp giải quyết TTHC nội bộ một số lĩnh vực chưa chặt chẽ, trách nhiệm phối hợp chưa cao, xử lý công việc còn rập khuôn, máy móc, làm kéo dài thời gian giải quyết và trả kết quả cho các tổ chức, cá nhân chậm trễ.

- Năng lực, trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, ý thức công vụ của một số cán bộ, công chức làm công tác CCHC vẫn còn hạn chế⁶⁵: Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng văn bản QPPL chưa thật sự đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xây dựng pháp luật trong giai đoạn hiện nay; công chức và nhân viên bưu điện được phân công nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả thường xuyên thay đổi, không có chuyên môn sâu để thẩm định hồ sơ, chỉ thực hiện việc nhận hồ sơ theo đầu danh mục các TTHC cần tiếp nhận đã dẫn đến

⁶⁴ Ví dụ như chậm ban hành quyết định mới sửa đổi, bổ sung Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về hạn mức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất và diện tích tối thiểu đối với việc tách thửa trên địa bàn tỉnh Gia Lai; đến ngày 22/02/2024, UBND tỉnh mới ban hành Quyết định mới thay thế Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh về ban hành quy định quản lý công tác nội vụ thuộc tỉnh Gia Lai;...

⁶⁵ Như: Một số cán bộ của các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai còn trẻ, kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn còn hạn chế; công tác hướng dẫn công dân đôi lúc chưa cụ thể dẫn đến một số hồ sơ thời gian thực hiện TTHC còn kéo dài.

phiền hà, mất nhiều thời gian đi lại của người dân. Cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC tại địa phương còn kiêm nhiều công việc, nên thiếu sự đầu tư cho công tác kiểm soát TTHC.

- Công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn, đạo đức công vụ cho công chức bộ phận một cửa, công chức thực hiện kiểm soát TTHC chưa được thường xuyên; công tác giám sát bằng phương tiện kỹ thuật còn hạn chế, thiếu đồng bộ và liên thông.

- Công tác thanh tra, kiểm tra chưa phát huy tối đa vai trò trách nhiệm, chậm phát hiện vi phạm, nhiều trường hợp việc xử lý vi phạm còn mang tính hình thức, cả nể; biện pháp ngăn chặn các vi phạm của công chức trong thi hành công vụ chưa triệt để, nhất là lĩnh vực đất đai.

- Hầu hết người dân vẫn còn tâm lý e ngại khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích trong việc gửi các loại giấy tờ có giá trị (như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...) Vì vậy, đối với các TTHC thuộc lĩnh vực liên quan đến các giấy tờ có giá trị,... hầu như người dân thường nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp. Do kỹ năng, thói quen ứng dụng CNTT của người sử dụng dịch vụ còn hạn chế; chưa đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật để làm việc trên môi trường mạng, do đó công chức thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến thay cho người dân.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương

(1) Đối với Chính phủ

- Chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang bộ rà soát, phối hợp các cơ quan liên quan để thực thi Phương án phân cấp trong giải quyết TTHC đúng tiến độ, lộ trình tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ *“Ban hành về phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết TTHC thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang bộ”*.

- Tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành sớm ban hành Quyết định phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến (*toàn trình, một phần*) thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương theo quy định tại điểm b khoản 1 Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Sớm ban hành Nghị định về chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ đối với người có tài năng trong hoạt động công vụ.

(2) Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành hàng năm đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP (trước ngày 01/01 của năm kế hoạch) để đảm bảo cho địa phương ban hành kế hoạch đúng thời hạn được giao tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP (trước ngày 30/01 của năm Kế hoạch) và thống nhất phạm vi theo dõi từ Trung ương đến địa phương theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Thông tư số 04/2021/TT-BTP⁶⁶.

⁶⁶ c) Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do UBND các cấp ban hành

Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành và thực tiễn thi hành pháp luật trong phạm vi quản lý ở địa phương, Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương trước ngày 30 tháng 01 của năm kế hoạch, gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

(3) Văn phòng Chính phủ

- Chủ trì, phối hợp Bộ Công an hướng dẫn cụ thể phạm vi đối tượng là nhân viên của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích có được quyền khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp tỉnh thực hiện giao (hoặc đấu thầu) doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một hoặc một số nhiệm vụ công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa, trả kết quả TTHC theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông để thống nhất việc xây dựng, tổ chức quản lý, vận hành Cổng Thông tin điện tử cấp tỉnh. Hiện nay bị chồng chéo giữa Thông tư số 11/2022/TT-BTTTT ngày 29/7/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Thông tư 01/2022/TT-VPCP ngày 02/5/2022 của Văn phòng Chính phủ.

(4) Bộ Nội vụ xem xét giảm một số tiêu chí thành phần tại Bộ chỉ số CCHC đối với tỉnh Gia Lai (là địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn) cho phù hợp như:

- Số lượng (tỷ lệ %) đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên;
- Tỷ lệ số hóa hồ sơ giải quyết TTHC;
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình và thực hiện thanh toán trực tuyến;
- Xem xét việc quy định tỷ lệ giải ngân 100% vốn đầu tư công như hiện nay (không phù hợp với thực tiễn).

(5) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Nghiên cứu tham mưu Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 19/1014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin vào áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng; đảm bảo thống nhất, tích hợp được với các ứng dụng đang được triển khai, phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc tại các cơ quan quản lý nhà nước, phù hợp với quá trình chuyển đổi số hiện nay để địa phương tổ chức thực hiện.

- Ban hành Bộ tiêu chí chung để đánh giá việc xây dựng, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước.

(6) Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các bộ, ngành, địa phương sớm ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ⁶⁷ để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

(7) Bộ Tài chính ban hành quy định hướng dẫn, quy định ưu tiên nội dung

Căn cứ kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND cấp trên trực tiếp và thực tiễn thi hành pháp luật, UBND cấp huyện, UBND cấp xã ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương theo thời hạn quy định tại Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của UBND cấp trên trực tiếp, gửi về Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp để theo dõi tổng hợp.

⁶⁷ Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công người dân, doanh nghiệp.

chi, mức chi cho số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương thực hiện nhiệm vụ CCHC.

- Ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức, trong đó quy định về nội dung chi và định mức chi.

(8) Bộ Tài nguyên và Môi trường

Hiện nay, theo Bộ thủ tục hành chính và các quy định pháp luật về đất đai chưa quy định chuyển mục đích sử dụng đất đồng thời với hợp thửa đất để cấp trên cùng một giấy chứng nhận. Do đó, cơ quan chức năng không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của công dân⁶⁸.

(9) Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội sớm ban hành văn bản hướng dẫn việc quy định xếp hạng Trung tâm Dịch vụ việc làm - đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động, Thương binh và Xã hội để địa phương có cơ sở thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đối với đơn vị này.

2. Đối với UBND tỉnh

(1) Tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện nghiêm, đồng bộ các nội dung tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 theo quy định tại Quyết định số 602/QĐ-UBND; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính. Chỉ đạo tốt công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về CCHC để cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nhận thức sâu sắc, đầy đủ về công tác CCHC.

(2) Đẩy mạnh cải cách thể chế⁶⁹, nâng cao chất lượng và hiệu quả thực thi pháp luật; nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, trong đó ưu tiên đề xuất các cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL của tỉnh để kịp thời phát hiện, xử lý văn bản không còn phù hợp, mâu thuẫn, chồng chéo với các quy định pháp luật. Bố trí đủ biên chế công chức phụ

⁶⁸ - Trường hợp hợp thửa đất mà các thửa đất không cùng mục đích sử dụng đất và có diện tích, kích thước tối thiểu không đảm bảo quy định diện tích tối thiểu tách thửa trên địa bàn tỉnh thì cần thiết phải thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất đồng thời với thủ tục hợp thửa với thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng đất.

- Trường hợp thửa đất chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở nhưng thửa đất chuyển mục đích sử dụng không có cạnh tiếp giáp với đường giao thông thì cần thiết phải thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đồng thời với thủ tục hợp thửa đất với thửa đất liền kề tiếp giáp với đường giao thông có cùng mục đích sử dụng đất (theo quy định của tỉnh Gia Lai thì việc chuyển mục đích sang đất ở chỉ thực hiện đối với thửa đất tiếp giáp với đường giao thông).

Dẫn đến phát sinh nhiều khó khăn khi chủ sử dụng đất muốn chuyển mục đích sử dụng đất thêm một phần diện tích không tiếp giáp với đường giao thông hoặc không đủ diện tích tối thiểu tách thửa để hợp với thửa đất có cùng mục đích sử dụng. Do đó, để kịp thời tháo gỡ khó khăn cho địa phương trong việc thực hiện thủ tục hành chính, giải quyết hồ sơ hợp thửa đang tồn đọng, cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất, đề nghị Bộ Tài Nguyên và Môi trường quan tâm sớm có văn bản hướng dẫn quy định cụ thể điều kiện tách thửa, điều kiện hợp thửa đất theo từng loại đất và diện tích được tách thửa đối với từng loại đất.

⁶⁹ Rà soát để tham mưu ban hành chính sách đặc thù về công tác cán bộ, an sinh xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư...

trách công tác pháp chế theo quy định.

Triển khai đầy đủ, đồng bộ các quy định về theo dõi tình hình pháp luật được quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ *“Về theo dõi tình hình thi hành pháp luật; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP”*.

(3) Khẩn trương tổ chức tuyển dụng công chức năm 2023 và kế hoạch tổ chức tuyển dụng năm 2024 để bổ sung kịp thời cho các cơ quan, đơn vị. Đồng thời, thực hiện nghiêm việc tinh giản biên chế theo quy định tại Kế hoạch số 160-KH/TU này 26/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Kiến nghị cấp có thẩm quyền xét thi nâng ngạch từ cán sự lên chuyên viên và tương đương cho cán bộ công chức cấp huyện (năm 2020 đến nay chưa tổ chức thi) nhằm đảm bảo các vị trí việc làm theo quy định phải đạt chuẩn⁷⁰.

(4) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã trong việc nâng cao ý thức và trách nhiệm đối với việc triển khai thực hiện tổng thể Chương trình CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh.

(5) Ban hành phương án thay thế Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công tại Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh nhằm cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp trong thời gian tới.

(6) Ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC liên quan đến cấp giấy chứng nhận đầu tư và thu hút đầu tư các ngành của tỉnh, theo đó quy định rõ trách nhiệm phối hợp, giải quyết TTHC liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp để khắc phục tình trạng hồ sơ chậm giải quyết, quá hạn và trả nhiều lần.

(7) Tăng cường chỉ đạo kiểm tra việc công khai, niêm yết các TTHC tại Bộ phận một cửa trên địa bàn tỉnh; việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục rườm rà, phức tạp, không cần thiết nhằm rút ngắn thời gian giải quyết, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; chấn chỉnh, khắc phục tình trạng hồ sơ chậm giải quyết, quá hạn và trả nhiều lần; chỉ đạo thực hiện nghiêm việc công khai xin lỗi người dân khi giải quyết hồ sơ trễ hạn.

Thường xuyên rà soát, nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần. Chỉ đạo việc công bố TTHC đảm bảo theo quy định hiện hành. Tuyên truyền, hỗ trợ, khuyến khích người dân giao dịch thanh toán trực tuyến khi giải quyết TTHC.

(8) Tiếp tục thực hiện cải cách tài chính công đảm bảo công khai, minh bạch trong sử dụng ngân sách; tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra tài chính để phát hiện, chấn chỉnh, ngăn ngừa các vi phạm trong quản lý, sử dụng ngân sách; tiếp tục theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện khắc phục các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

⁷⁰ Kiến nghị của UBND huyện Kông Chro tại Báo cáo số 90/BC-UBND ngày 29/02/2024.

(9) Bố trí kinh phí nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh tập trung đồng bộ, thống nhất giữa cấp tỉnh-cấp huyện-cấp xã nhằm đáp ứng yêu cầu số hóa và sử dụng kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC, cũng như việc kết nối chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

(10) Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường các nội dung sau:

10.1. Đối với Sở Thông tin và Truyền thông

- Việc tích hợp Hệ thống một cửa điện tử của tỉnh với hệ thống tiếp nhận, quản lý hồ sơ của các Bộ, ngành; kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia, khắc phục các lỗi hiện có của Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.

- Xây dựng kho cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; tiếp tục cập nhật và khai thác kịp thời các thông tin, cơ sở dữ liệu cần thiết⁷¹.

- Có hướng dẫn cụ thể hoặc xây dựng Quy chế mẫu về tổ chức, quản lý, vận hành, cung ứng, xử lý thông tin và duy trì hoạt động Trang Zalo OA.

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về CCHC, tạo thuận lợi trong việc sử dụng, khai thác hiệu quả các tiện ích, các hệ thống thông tin, các nền tảng số, góp phần tăng cường tương tác giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp.

- Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn toàn tỉnh, cập nhật và khai thác kịp thời các thông tin, cơ sở dữ liệu cần thiết, gắn với giải quyết TTHC để đơn giản, giảm giấy tờ hành chính, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp.

- Tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng cho cán bộ, công chức, viên chức và những người trực tiếp thực hiện công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn, nhất là bồi dưỡng đội ngũ công chức cấp xã.

10.2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Phê duyệt cơ sở dữ liệu đất đai của UBND thành phố Pleiku. Đồng thời, hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp thửa đất có phần tiếp giáp đường giao thông thuộc chỉ giới quy hoạch giao thông là đất nông nghiệp được tồn tại chung với đất ở hợp thửa với thửa đất có cùng mục đích sử dụng đất.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền chỉ đạo kiện toàn bộ máy, quy trình giải quyết nội bộ để giao cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai ký Giấy chứng nhận đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ⁷².

- Có giải pháp nâng cao công tác giải quyết hồ sơ đất đai, kiến nghị với

⁷¹ Như: Dữ liệu hồ sơ địa chính, tư pháp, hộ tịch gắn với giải quyết TTHC để đơn giản, giảm giấy tờ hành chính, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp

⁷² Điểm b khoản 5 Điều 1 Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ : “1. Đối với địa phương đã thành lập Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này thì việc cấp Giấy chứng nhận, xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp thực hiện như sau: b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam”.

Bộ Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh TTHC cho phép gộp một số TTHC có thể thực hiện đồng thời để giảm thời gian giải quyết (ví dụ: *Gộp thủ tục đăng ký biến động và chuyển quyền sử dụng đất; gộp thủ tục chuyển quyền đồng thời cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới; gộp thủ tục đăng ký biến động và đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*). Đồng thời, tăng cường chỉ đạo đối với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện trong công tác giải quyết hồ sơ TTHC trên địa bàn huyện thuộc lĩnh vực phụ trách đảm bảo đúng quy định, hạn chế thấp nhất tỷ lệ hồ sơ trễ hạn.

- Sớm triển khai tích hợp các phần mềm trong quản lý đất đai, thực hiện nhập liệu, liên thông các hồ sơ trong một hệ thống duy nhất trên toàn tỉnh.

3. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

(1) Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đối với công tác CCHC đến các phòng, ban chuyên môn và UBND cấp xã:

- Nâng cao chất lượng trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý. Triển khai thực hiện đầy đủ, hiệu quả các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 25/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh “*Về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2024 trên địa bàn tỉnh*”. Đồng thời, triển khai kịp thời, đồng bộ, toàn diện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2024 theo Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 22/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ đạo UBND các xã cập nhật kịp thời các bộ TTHC đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, niêm yết công khai tại địa điểm thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; cập nhật đầy đủ, kịp thời hồ sơ TTHC phát sinh, các quy định về phí, lệ phí, kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. Tiếp tục triển khai việc rà soát, cải cách TTHC trên tất cả các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng,... để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức trong việc giải quyết TTHC cho người dân, nhất là công tác cải cách TTHC như tư pháp - hộ tịch, đất đai, chế độ, chính sách; đồng thời, có kế hoạch kiểm tra, hướng dẫn Bộ phận một cửa tại UBND cấp xã lập hồ sơ lưu trữ theo quy định.

(2) Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho bộ phận một cửa cấp xã theo thẩm quyền, bảo đảm đạt chuẩn gắn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

4. Đối với HĐND cấp huyện, cấp xã, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội

HĐND cấp huyện, cấp xã, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị tăng cường công tác giám sát CCHC, nhất là giám sát công tác cải cách TTHC và thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương công vụ ở các cơ quan, đơn vị, bộ phận một cửa cấp

huyện, cấp xã.

Trên đây là Báo cáo kết quả công tác triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Gia Lai của Đoàn giám sát HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ; Khoa học và Công nghệ; Thông tin và Truyền thông; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính; LĐ, TB&XH;
- Thành viên Đoàn giám sát theo Nghị quyết số 299/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của Tỉnh ủy: Nội chính, Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**



**PHÓ CHỦ TỊCH HĐND TỈNH
Trương Văn Đạt**